TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 813/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2018/QĐST-HPT ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1983

Địa chỉ: G78 khu phố H, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Vương Thị Hồng N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 180/13A đường B, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vương Thị Hồng N và ông Lê Văn M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2018; Bản tự khai ngày 26/4/2018, nguyên đơn

là ông Lê Văn M trình bày:

Ông và bà Vương Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 quyển số 01/2008, ngày 15/10/2008).

Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông đã không hạnh phúc vì thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, nên năm 2010 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vương Thị Hồng N.

- Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 24/8/2008, trẻ Minh T sống chung với bà N từ nhỏ nên ông đồng ý giao con cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là Vương Thị Hồng N: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm, bà N đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có mặt; không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:* Ông Lê Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Lê Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Vương Thị Hồng N đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M và bà Vương Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo ông Lê Văn M trình bày thì vợ chồng ông sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về mọi mặt. Ông và bà Vương Thị Hồng N đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau.

Đối với bà Vương Thị Hồng N đã được Tòa án đã triệu nhiều lần để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng và tạo điều kiện cho vợ chồng bà tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng bà N không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và không thông báo lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Vương Thị Hồng N không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ bà N không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với ông M. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Ông Lê Văn M và bà Vương Thị Hồng N có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 24/8/2008, trẻ Minh T sống chung với bà N từ nhỏ nên ông M đồng ý giao con cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Minh T cho đến khi thành niên. Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà N. Trường hợp ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M tự trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Ông Lê Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Vương Thị Hồng N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn M và bà Vương Thị Hồng N chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 quyển số 01/2008 ngày 15/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Văn M và bà Vương Thị Hồng N không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Vương Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Minh T, sinh ngày 24/8/2008 cho đến khi thành niên. Ghi nhận ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà N. Trường hợp ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M tự trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028987 ngày 27/3/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Văn M còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

Lê Thị Tú